

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bim Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

3.2. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công

3.2.1. Giải pháp kỹ thuật

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| a. Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm yêu cầu các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> - Tập kết Thiết bị thi công; - Kho bãi tập kết vật liệu, chất thải; - Bố trí Lán trại, rào chắn, biển báo; - Cấp nước, thoát nước, cấp điện, liên lạc trong quá trình triển khai. - Tổ chức phân luồng giao thông trong quá trình thi công. | Có giải pháp mặt bằng tổ chức (thuyết minh và bản vẽ) hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Không có hoặc thiếu ≥ 01 giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| b. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm từng thành viên | Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý. | Đạt |
| | Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, không ghi rõ trách nhiệm từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3.2.2. Biện pháp tổ chức thi công

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| a. Giải pháp thi công cào bóc mặt đường bê tông nhựa. | Có đề xuất biện pháp (thuyết minh; bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi. | Không đạt |
| b. Giải pháp thi công tưới lớp nhũ tương | Có đề xuất biện pháp (thuyết minh; bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi. | Không đạt |
| c. Giải pháp thi công thảm bê tông nhựa mặt đường | Có đề xuất biện pháp (thuyết minh; bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi. | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| d. Giải pháp thi công tổ chức giao thông (son kẻ đường, Cạo lớp sơn trên bó vỉa, bột bả bó vỉa). | Có đề xuất biện pháp (thuyết minh; bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi. | Không đạt |
| e. Giải pháp thi công lắp dựng, tháo dỡ dãi phân cách thép | Có đề xuất biện pháp (thuyết minh; bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi. | Không đạt |
| f. Giải pháp đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công (bao gồm: lắp đặt hàng rào, biển báo phản quang, đèn báo hiệu, dây phản quang và nhân công điều tiết giao thông). | Có đề xuất biện pháp (thuyết minh; bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi. | Không đạt |
| g. Công tác trắc đạc, định vị các kết cấu công trình. | Có đề xuất biện pháp (thuyết minh; bản vẽ) đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi. | Không đạt |
| h. Giải pháp cho công tác Lập hồ sơ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán A-B, dọn dẹp vệ sinh, hoàn thiện trước khi bàn giao. | Có đề xuất biện pháp (thuyết minh) đầy đủ hợp lý, khả thi và phù hợp với hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc không đầy đủ hoặc không hợp lý, khả thi. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3.3. Tiến độ thi công

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| a. Thời gian thực hiện hợp đồng 85 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công (không bao gồm Chủ nhật, Lễ, Tết), Trong đó: Thời gian thi công xây dựng là 45 ngày ; Lập hồ sơ hoàn công 30 ngày ; Lập hồ sơ quyết toán A-B 10 ngày kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu gói thầu đưa vào sử dụng. | Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng không vượt quá 85 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công (không bao gồm Chủ nhật, Lễ, Tết) Trong đó: Thời gian thi công xây dựng không vượt quá 45 ngày ; Thời gian Lập hồ sơ hoàn công không vượt quá 30 ngày ; Thời gian Lập hồ sơ quyết toán A-B không vượt quá 10 ngày kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu gói thầu đưa vào sử dụng. Có biểu tiến độ thi công chi tiết cho các công | Đạt |

| | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Nhà thầu phải lập bảng tiến độ thi công chi tiết cho các công tác tại các mục thuộc biện pháp tổ chức thi công tại Khoản 3.2.2 Mục 3 Chương III của E-HSMT. | tác tại các mục thuộc biện pháp tổ chức thi công tại Khoản 3.2.2 Mục 3 Chương III của E-HSMT. | |
| | Đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng vượt quá 85 ngày hoặc thời gian thi công xây dựng vượt quá 45 ngày hoặc thời gian lập hồ sơ hoàn công vượt quá 30 ngày hoặc thời gian lập hồ sơ quyết toán A-B vượt quá 10 ngày hoặc không tính tới điều kiện thời tiết hoặc không lập biểu tiến độ thi công chi tiết cho các công tác tại các mục thuộc biện pháp tổ chức thi công tại Khoản 3.2.2 Mục 3 Chương III của E-HSMT. | Không đạt |
| b. Tính phù hợp: – Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công; – Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công. | Có biểu đồ huy động thiết bị và biểu đồ bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ thi công. | Đạt |
| | Không có biểu đồ huy động thiết bị và bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ thi công hoặc có biểu đồ huy động thiết bị và bố trí nhân lực nhưng không phù hợp với tiến độ thi công. | Không đạt |
| c. Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Biểu tiến độ phải phân khai rõ thời gian thực hiện công việc thi công xây dựng, thời gian lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán, hoàn thành công trình. | Đạt |
| | Không có biểu tiến độ thi công hoặc có biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, hoặc biểu tiến độ không phân khai rõ thời gian thực hiện công việc theo yêu cầu. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3.4. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| a. Tổ chức quản lý dự án | Có biện pháp và sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dự án của Nhà thầu và thuyết minh sơ đồ, thể hiện hợp lý cơ cấu quản lý dự án nhằm đảm bảo đạt chất lượng, tiến độ đề ra của gói thầu. | Đạt |
| | Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dự án và thuyết minh sơ đồ hoặc có nhưng không hợp lý. | Không đạt |

| | | |
|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| b. Tổ chức quản lý hiện trường | Có biện pháp tổ chức quản lý ngoài hiện trường và sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự ngoài công trường và thuyết minh sơ đồ, thể hiện đầy đủ, hợp lý các bộ phận hoặc các vị trí nhân sự mà nhà thầu dự kiến huy động đáp ứng yêu cầu công việc của gói thầu phù hợp với giải pháp thi công mà nhà thầu đề xuất. | Đạt |
| | Không có sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự ngoài công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3.5. Các biện pháp bảo đảm chất lượng

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| a. Sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự liên quan đến công tác quản lý chất lượng và thuyết minh mô tả trách nhiệm của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức. | Có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự liên quan đến công tác quản lý chất lượng và thuyết minh mô tả trách nhiệm của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có sơ đồ quản lý tổ chức nhân sự hoặc không có thuyết minh hoặc có sơ đồ và thuyết minh nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| b. Biện pháp bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị và vật tư, nguyên vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công: - Lập bảng danh mục vật tư, vật liệu theo mục 3.9a Chương III của E-HSMT đưa vào công trình, nêu rõ chủng loại, nguồn gốc, xuất xứ, và mô tả tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng yêu cầu; - Quy trình và biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị; - Biện pháp quản lý chất lượng cho từng công tác thi công (a), (b), (c), (d), (e), (f) nêu tại Khoản 3.2.2 Mục 3 Chương III của E-HSMT và biện | Có biện pháp bảo đảm chất lượng đầy đủ, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |

| | | |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------|
| pháp bảo quản vật tư, vật liệu, thiết bị khi mưa bão. | | |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3.6. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn giao thông.

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| a) | Vệ sinh môi trường | | |
| | Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| b) | Phòng cháy, chữa cháy | | |
| | Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| c) | An toàn lao động | | |
| | Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, đầy đủ, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | + Chính sách về quản lý an toàn lao động; + Sơ đồ tổ chức của bộ phận quản lý an toàn lao động; trách nhiệm của các tổ chức cá nhân có liên quan; + Quy định về việc tổ chức huấn luyện về an toàn lao động; + Quy định về quy trình làm việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng hoặc định kỳ đối với các công việc có yêu cầu cụ thể đảm bảo an toàn lao | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không đầy đủ, hợp lý, khả thi theo yêu cầu, hoặc không phù hợp với đề xuất biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| | động; + Các yêu cầu về đảm bảo an toàn trong tổ chức mặt bằng công trường; + Quy định về các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cụ thể trên công trường; + Quy định về trang bị, cung cấp, quản lý và sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân; + Quản lý sức khỏe và môi trường lao động; + Quy định về ứng phó với tình huống khẩn cấp; + Quy trình thực hiện việc theo dõi, báo cáo công tác quản lý an toàn lao động định kỳ, đột xuất; + Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường; | | |
| d) An toàn giao thông | | | |
| | Biện pháp An toàn giao thông hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Có biện pháp An toàn giao thông hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | | Không có biện An toàn giao thông hoặc có biện An toàn giao thông nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| Kết luận | | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3.7. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| a. Bảo hành công trình | Nhà thầu đề xuất thời gian bảo hành công trình ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng. | Đạt |
| | Đề xuất thời gian bảo hành không đáp ứng yêu cầu. Trường hợp sau khi làm rõ E-HSĐT (nếu có) nhà thầu Không đề xuất hoặc có Đề xuất thời gian bảo hành nhưng không đáp ứng yêu cầu. | Không đạt |

| | | |
|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| b. Bảo trì công trình | Có thuyết minh về công tác bảo trì công trình đảm bảo tính khả thi, phù hợp với gói thầu và quy định của pháp luật về xây dựng. | Đạt |
| | Có trình bày nhưng không không hợp lý, không khả thi. Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) nhà thầu không đề xuất hoặc đề xuất không hợp lý, không khả thi. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3.8. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| a. Thông tin uy tín của Nhà thầu về việc tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. <i>Nhà thầu kèm theo E-HSDT bản cam kết. Trường hợp liên danh dự thầu thì từng thành viên trong liên danh phải cung cấp cam kết theo yêu cầu.</i> | Nhà thầu không Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 hoặc có nhưng nhà thầu thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu gấp 3 lần trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. | Đạt |
| | Nhà thầu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 nhưng không thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu gấp 3 lần trị yêu cầu cho gói thầu đang xét theo quy định tại khoản 2 điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025. Hoặc sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) nhà thầu không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên. <i>Trường hợp nhà thầu cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận.</i> | Không đạt |
| b. Thông tin uy tín của nhà thầu về kết quả thực hiện hợp đồng của Nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 (trừ khoản 1 Điều 20) của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025, kể từ ngày 01/1/2022 đến thời điểm đóng thầu. <i>Nhà thầu kèm theo E-HSDT bản cam kết. Trường hợp liên danh dự</i> | Nhà thầu có không quá 01 hợp đồng vi phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 | Đạt |
| | Nhà thầu có từ 02 hợp đồng vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 Hoặc sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) nhà thầu không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên. <i>Trường hợp nhà thầu cam kết không trung thực</i> | Không đạt |

| | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------|
| <i>thầu thì từng thành viên trong liên danh phải cung cấp cam kết theo yêu cầu.</i> | <i>sẽ bị đánh giá là gian lận.</i> | |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đạt được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có tiêu chuẩn chi tiết không đạt được xác định là không đạt. | Không đạt |

3.9. Các yếu tố cần thiết khác:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| a. Đối với các vật tư, vật liệu chính: - Bê tông nhựa C12,5; - Nhũ tương CRS-1; - Sơn các loại; Đặc tính kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế phát hành cùng E-HSMT. | Nhà thầu có cam kết thực hiện cung cấp đúng tiến độ và đạt chất lượng theo thiết kế; kèm theo Bản scan (bản chính hoặc bản sao được chứng thực): hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà cung cấp. Trường hợp nhà thầu tự sản xuất thì phải đính kèm tài liệu chứng minh nhà thầu tự sản xuất vật tư, vật liệu chính. | Đạt |
| | Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) nhà thầu không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| b. Công nhân kỹ thuật | Nhà thầu cam kết có đầy đủ công nhân có tay nghề đáp ứng yêu cầu công việc thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt. | Đạt |
| | Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) mà nhà thầu không cung cấp bản cam kết theo yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có tiêu chuẩn chi tiết không đạt được xác định là không đạt. | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phân chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSĐT để so sánh, xếp hạng các E-HSĐT